

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thủy Nông;
2. Bà Trương Thị Bé Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa:
Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/01 và 02/02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Phú L, xã Phú T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị N, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:* Vào năm 2009 chị và anh Nguyễn Văn T1 có sống chung với nhau, có tổ chức cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự (Nay là phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 25/4/2010 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày 17/9/2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 không lo cho gia đình, nên cả hai thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.
- Về con chung: Nay ly hôn chị thống nhất giao cả 02 con chung là Tuyết N1 và Hoàng N2 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi ly thân cho tới nay 02 con sống chung với anh T1.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn T1:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có địa chỉ cư trú hiện nay tại khóm A, phường B, thành

phố H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn T1 và người làm chứng bà Trần Thị N vắng mặt, không có lý do, bà N đã được Tòa án trực tiếp lấy lời khai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T1 có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 10/03/2009 tại Ủy ban nhân dân xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự (Nay là phường An Bình A, thành phố Hồng Ngự), nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T1 là hợp pháp. Nay chị C khởi kiện xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của bà Trần Thị N (mẹ anh T1) thì chị C và anh T1 đã ly thân khoảng trên 03 năm nay, khi còn sống chung với nhau thì giữa chị C và anh T1 thường xuyên cãi vã, anh T1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và anh T1 cũng thống nhất ly hôn với chị C, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, nhưng do không có thời gian nên không đến Tòa án được; Đồng thời theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường An Bình A thì trong thời gian chung sống với nhau chị C và anh T1 thường xuyên hay cãi nhau. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh T1 đúng quy định pháp luật, nhưng anh T1 không có văn bản ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến của mình và để tham phiên hòa giải giữa anh và chị C, điều này cũng thể hiện ý chí của anh T1 là không muốn đoàn tụ lại với chị C.

Từ những phân tích trên xét thấy giữa chị C và anh T1 không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 25/4/2010 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày 17/9/2014. Nay ly hôn chị C thống nhất cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Tuyết N1 và Hoàng N2, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của chị C và bà Trần Thị N thì từ khi ly thân cho tới nay, 02 con chung này do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không vi phạm nghĩa vụ khi nuôi dưỡng con chung. Vì vậy nên giao 02 con

chung cho anh T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Tuyết N1 là muốn được sống với cha.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 229, 235, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh ngày 25/4/2010 và Nguyễn Hoàng N2, sinh ngày 17/9/2014 cho anh Nguyễn Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T1 không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000đ theo biên

lai số 0001426 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- UBND phường An Bình A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Huỳnh Anh